

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 82 /2019/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 25 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thực hiện

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 7 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 1786/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh về việc quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu toàn dân do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thực hiện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị quyết này quy định việc phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu toàn dân trong phạm vi phân cấp của địa phương quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

TU PHÁP TỈNH BÌNH THUẬN
Số: 5042
ĐẾN Ngày: 16.8
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 5/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

c) Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 2. Tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh.

Tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại khoản 6 và 7 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

Các loại tài sản nêu tại nghị quyết này được quy định cụ thể tại Điều 3 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh (trừ các tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ).

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan khối tỉnh ký hợp đồng đối tác công tư.

2. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (Sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện)

a) Tài sản là di sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã (trừ các tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ và điểm b, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết này).

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập và quyết định giải thể.

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện ký hợp đồng đối tác công tư theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô; tàu, thuyền, ca nô; tài sản khác có đơn giá từ 500 triệu đồng trở lên.

Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính xử lý theo các hình thức còn lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định tịch thu.

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu:

Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng: là nhà, đất, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô; tàu, thuyền, ca nô; tài sản khác có đơn giá từ 500 triệu đồng trở lên.

Tài sản bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyên giao.

Tài sản do cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ra quyết định tịch thu.

c) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản không xác định được chủ sở hữu; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

d) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyên giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

đ) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyên giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyên giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh (trừ các tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ).

e) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể.

g) Tài sản chuyên giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan khởi kiện ký hợp đồng đối tác công tư.

2. Thẩm quyền của Thủ trưởng các sở, ngành.

Thủ trưởng các sở, ngành phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do Thủ trưởng các sở, ngành ban hành Quyết định tịch thu hoặc do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc các sở, ngành ban hành Quyết định tịch thu theo quy định của pháp luật (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản có đơn giá dưới 500 triệu đồng (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính xử lý theo các hình thức còn lại quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định tịch thu hoặc của các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định tịch thu.

b) Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu:

Tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản có đơn giá dưới 500 triệu đồng (trừ tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Tài sản bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án và do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao.

Tài sản do cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện ra quyết định tịch thu.

c) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh).

d) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã (trừ các tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ và điểm b, khoản 1, Điều 3 Nghị quyết này).

đ) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập và quyết định giải thể.

e) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện ký hợp đồng đối tác công tư theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Thẩm quyền của các đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

Đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập, phê duyệt phương án xử lý và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu - UBTW Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, T.Duy. 150



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng